

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 453 /2024/DS-PT

Ngày 25 – 11– 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, góp
vốn nuôi tôm, hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà
Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà
Nguyễn Thị Thuý Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 352/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 10
năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, góp vốn nuôi tôm, hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024
của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 276/2024/QĐ-PT ngày
21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1964 (Có mặt);

2. Bà Dương Thị C, sinh năm 1975 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1962 (Có đơn xin xét xử vắng
mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C.

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Hoàng A, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị C trình bày:

Ngày 09/09/2022 âm, ông T và bà C có góp tiền vốn 1.500.000.000 đồng với
ông Hoàng A nuôi tôm công nghiệp gồm 7 ao nuôi tôm. Phía ông Hoàng A có ao
và đất, phía ông T và bà C góp tiền mua các thiết bị còn thiếu trong ao; phần lợi

nhuận khi thu hoạch chia đều cho mỗi bên. Vụ nuôi chung thứ nhất từ ngày 09/09/2022 ãl đến ngày 09/03/2023 ãl tiền phí mà ông T và bà C bao trả cho ông Hoàng A là: 932.234.000 đồng. Vụ nuôi chung thứ hai từ ngày 09/03/2023 ãl đến ngày 09/05/2023 ãl tiền phí mà ông T và bà C bao trả cho ông Hoàng A là: 315.691.000 đồng; Tổng tiền phí 2 vụ nuôi là: 1.247.925.000 đồng. Đến ngày 30/04/2023 ãl, ông Hoàng A và ông T, bà C lập hợp đồng bằng văn bản (thời gian 30 tháng tính từ ngày 30/04/2023 ãl). Tổng tiền phí 2 vụ cộng tiền góp vốn của ông T và bà C góp vào là: 2.747.925.000 đồng và ông Hoàng A cho ông T và bà C thuê ao lại làm riêng trong 12 tháng, mỗi tháng bằng 36.000.000 đồng; số tiền thuê được khấu trừ vào tiền góp vốn của ông T và bà C là 2.747.925.000 đồng - 432.000.000 đồng thuê ao = 2.315.925.000 đồng. Đến ngày 09/11/2023 ãl kết thúc thời gian thuê, ông T và bà C giao ao lại cho ông Hoàng A, số nợ ông Hoàng A còn nợ lại chưa trả là 2.315.925.000 đồng. Ông Hoàng A cam kết đến ngày 24/03/2023 ãl sẽ trả cho ông T và bà C là 500.000.000 đồng, nhưng không thực hiện đúng cam kết.

Ngoài ra, ông Hoàng A còn nợ tiền vay vầy tiền hụi chết, hai bên có làm giấy chốt nợ, cụ thể: Ông Hoàng A còn nợ tiền vay là 500.000.000 đồng, tiền hụi chết là 570.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Hoàng A còn nợ là: 3.385.925.000 đồng. Nay ông T và bà C khởi kiện buộc ông Hoàng A trả tổng số tiền 3.385.925.000 đồng.

- Theo ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Ông Hoàng A thừa nhận giữa ông với vợ chồng ông T, bà C có góp vốn nuôi tôm công nghiệp, ông đầu tư đất, vợ chồng ông T, bà C góp 1.500.000.000 đồng. Sau các vụ nuôi thì bị lỗ, không chia lợi nhuận, nên ông Hoàng A cho vợ chồng ông T, bà C thuê lại ao nuôi mà không cùng hợp tác góp vốn nuôi tiếp. Sau đó các bên chốt nhận nợ, sau khi trừ khoản tiền thuê lại ao thì ông Hoàng A nợ tiền phí + tiền góp vốn là 2.315.925.000 đồng. Ông Hoàng A có thỏa thuận trả dần ngày 24/3/2024 trả 500.000.000 đồng, 04 tháng tiếp theo trả thêm 500.000.000 đồng, nhưng do khó khăn nên chưa thực hiện như cam kết. Ngoài ra, ông Hoàng A còn nợ khoản tiền vay 500.000.000 đồng, tiền hụi chết 570.000.000 đồng theo như xác nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp. Tổng số tiền mà ông còn nợ vợ chồng ông T, bà C là 3.385.925.000 đồng; ông đồng ý trả nợ cho Ông T và bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:

Chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị C. Buộc ông Nguyễn Hoàng A có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị C tổng số tiền là 3.385.925.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/8/2024, ông Nguyễn Hoàng A có đơn kháng cáo, ông chỉ đồng ý trả cho Ông T và bà C tổng số tiền là 3.170.000.000 đồng (gồm tiền góp vốn và tiền phí 2 vụ tôm là 2.150.000.000 đồng, tiền vốn vay là 450.000.000 đồng và tiền hụi là 570.000.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hoàng A có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên toà: Ông T và bà C không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Tại phiên toà, Ông T và bà C đồng ý với kháng cáo của ông Hoàng A, thống nhất cho ông Hoàng A trả số tiền bằng 3.170.000.000 đồng; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Hoàng A trả cho Ông T và bà C số tiền 3.170.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc ông Nguyễn Hoàng A nợ ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị C tiền góp vốn nuôi tôm, tiền vay, tiền hụi là có thực tế, được ông Hoàng A thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Ông T và bà C có cung cấp các tài liệu chứng cứ như “Hợp đồng góp vốn nuôi tôm công nghiệp” ngày 30/4/2023 được ký kết giữa ông Hoàng A với bà C và “Giấy xác nhận nợ và cam kết” của ông Hoàng A, có chính quyền địa phương xác nhận để chứng minh việc nợ của ông Hoàng A. Tại “Hợp đồng góp vốn nuôi tôm công nghiệp” ngày 30/4/2023 được ký kết giữa ông Hoàng A với bà C có nội dung thoả thuận khi đối trừ xong bên A (ông Hoàng A) còn nợ bên B (bà C) số tiền là 2.315.925.000 đồng; Tại “Giấy xác nhận nợ và cam kết” của ông Hoàng A thể hiện nội dung ông Hoàng A có nợ của bà C tiền hụi là 570.000.000 đồng, tiền vay là 750.000.000 đồng (nợ vay có trừ bớt 250.000.000 đồng). Tổng 02 khoản nợ ông Hoàng A còn thiếu bà C là 1.070.000.000 đồng. Như vậy, tổng các khoản nợ mà ông Hoàng A nợ bà C theo Hợp đồng góp vốn nuôi tôm và Giấy xác nhận nợ của ông Hoàng A là 3.385.925.000 đồng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hoàng A thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên trong “Hợp đồng góp vốn nuôi tôm công nghiệp” ngày 30/4/2023 và “Giấy xác nhận nợ và cam kết” là do chính ông Hoàng A ký và viết; đồng thời, ông Hoàng A cũng thừa nhận còn nợ bà C và Ông T tiền góp vốn nuôi tôm, tiền vay, tiền hụi tổng cộng là 3.385.925.000 đồng và đồng ý trả cho bà C và Ông T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T và bà C, buộc ông Hoàng A trả cho Ông T và bà C tổng số tiền 3.385.925.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm Ông T và bà C đồng ý với kháng cáo của ông Hoàng A, thống nhất cho ông Hoàng A trả tổng số tiền là 3.170.000.000 đồng; do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Hoàng A trả cho Ông T và bà C tổng số tiền 3.170.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Hoàng A, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng A không phải chịu (đã được miễn dự nộp).

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng A.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị C.

Buộc ông Nguyễn Hoàng A trả cho ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị C số tiền là 3.170.000.000 đồng.

Kể từ ngày Ông T và bà C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Hoàng A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng A được miễn chịu án phí. Ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị C không phải chịu án phí. Ngày 17/5/2024, ông T và bà C đã dự nộp 49.859.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0014024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng A không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập